

PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP HIỆN NAY

BÙI ĐỨC HÒA*
MAI VĂN HẬU**

Phát triển hợp tác xã nông nghiệp không chỉ góp phần tăng năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp, cải thiện đời sống xã viên và người lao động mà còn góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Bài viết đánh giá thực trạng phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở nước ta kể từ sau khi Luật Hợp tác xã năm 2012 có hiệu lực; làm rõ ưu điểm, hạn chế trong quá trình phát triển của hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2016 - 2020; kiến nghị một số giải pháp thúc đẩy phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam.

Từ khóa: Hợp tác xã nông nghiệp; phát triển; giải pháp; Luật về hợp tác xã.

The development of agricultural cooperatives contributes not only to increasing the productivity, quality and competitiveness of agricultural products, improving the lives of cooperative members and workers, but also to the socio-economic development of rural areas, accelerating the process of industrialization and modernization of agriculture sector and rural areas. The article assesses the current situation of agricultural cooperative development in Vietnam since the 2012 Law on Cooperatives took effect; clarifies the advantages and limitations in the development process of agricultural cooperatives in the period 2016 - 2020; and recommends a number of solutions to promote the development of agricultural cooperatives in Vietnam.

Keywords: Agricultural cooperatives in Vietnam; development; solutions; Law on cooperatives.

NGÀY NHẬN: 10/7/2023

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 16/8/2023

NGÀY DUYỆT: 18/9/2023

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.332.2023.626>

1. Đặt vấn đề

Hợp tác xã nói chung, hợp tác xã nông nghiệp nói riêng là bộ phận quan trọng của kinh tế tập thể. Phát triển hợp tác xã nông nghiệp là xu thế tất yếu, phù hợp với đặc điểm sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Phát triển hợp tác xã nông nghiệp không chỉ góp phần tăng năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp, cải thiện đời sống xã

viên và người lao động mà còn góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) đã xác định phát triển kinh tế tập thể, trong đó có hợp tác xã nông nghiệp

* ThS, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

** Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

“năng động, hiệu quả, bền vững”¹ và coi đây “là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị”².

2. Thực trạng phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020

Trong giai đoạn 2016 - 2020, số lượng hợp tác xã nói chung, hợp tác xã nông nghiệp nói riêng ở nước ta phát triển tương đối ổn định, tốc độ tăng trung bình khoảng 4,42%/năm. Bình quân mỗi năm cả nước có 7.085 hợp tác xã nông nghiệp, tăng 20% so với giai đoạn 2011 - 2015 (6.875 hợp tác xã nông nghiệp). Đặc biệt, số lượng hợp tác xã nông nghiệp luôn chiếm tỷ lệ cao, trên 50% trong tổng số hợp tác xã đang hoạt động có kết quả sản xuất - kinh doanh. Sự phát triển của hợp tác xã nông nghiệp đã giải quyết việc làm cho hàng chục nghìn lao động. Bình quân mỗi năm tạo việc làm cho 78.813 lao động, chiếm 42,8% tổng số lao động đang làm việc trong khu vực hợp tác xã. Trong khi hợp tác xã công nghiệp, xây dựng chỉ thu hút được khoảng 42.100 lao động (chiếm 22,8%); hợp tác xã dịch vụ thu hút được 63.400 nghìn lao động (chiếm 34,4%)³.

Tổng số vốn bình quân mỗi năm giai đoạn 2016 - 2020 đạt 20.142,549 tỷ đồng/năm, bằng 144,9% tổng số vốn bình quân giai đoạn 2011 - 2015 (13.901 tỷ đồng/năm)⁴. Sự tăng lên về số lượng và quy mô vốn cho thấy, hợp tác xã nông nghiệp đã trở thành kênh đầu tư kiếm năng của xã viên. Hiệu quả sản xuất - kinh doanh của hợp tác xã nông nghiệp đã được nâng lên, biểu hiện là doanh thu thuần tăng đều qua các năm (ngoại trừ năm 2020 sụt giảm do tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19). Đặc biệt, năm 2019 đạt 17.186 tỷ đồng, bằng 162,43% so với năm 2018 (10.189 tỷ đồng). Bình quân mỗi năm doanh thu thuần đạt 10.580 tỷ đồng, bằng 148,1% giai đoạn 2011 - 2015 (7.144 tỷ đồng/năm)⁵. Cùng với đó là sự tăng lên của lợi nhuận trước thuế, đạt 354,752 tỷ đồng/năm, bằng 119,04% lợi nhuận trước thuế bình quân giai đoạn 2011 - 2015 (298 tỷ

đồng/năm)⁶. Hiệu suất sử dụng lao động của hợp tác xã nông nghiệp cũng tăng lên so với giai đoạn trước, bình quân đạt 6,6 lần (giai đoạn 2011 - 2015 đạt 6,4 lần)⁷. Thu nhập bình quân đầu người/tháng của người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp tăng từ 1.228.000 đồng năm 2016 lên 2.293.000 đồng năm 2019, đạt trung bình 1.694.000 đồng/tháng, tăng gần gấp đôi so với giai đoạn 2011 - 2015 (đạt 948.000 đồng/tháng)⁸.

Sự phát triển của hợp tác xã nông nghiệp đạt được những thành tựu trên là do:

(1) Luật Hợp tác xã năm 2012 ra đời đã kịp thời khắc phục những hạn chế của Luật Hợp tác xã năm 2003. Theo đó, đã quy định rõ về quyền lợi, trách nhiệm của cả hợp tác xã và các thành viên của hợp tác xã nhất là trách nhiệm sử dụng hàng hóa, dịch vụ của hợp tác xã. Theo đó, trong thời hạn 3 năm liên tục nếu thành viên không sử dụng bất cứ sản phẩm hoặc dịch vụ nào của hợp tác xã, hợp tác xã có quyền chấm dứt tư cách thành viên. Bên cạnh đó, Luật đã đưa ra những quy định mới về phân phối thu nhập cho thành viên; quy định tỷ lệ trích lập quỹ phát triển hợp tác xã (không dưới 20%) và công tác quản lý tài sản không chia, bao gồm: quyền sử dụng đất do Nhà nước giao, cho thuê đất; quy định về khoản trợ cấp, hỗ trợ không hoàn lại của Nhà nước; quy định về khoản hợp tác xã được cho, tặng theo thỏa thuận; quy định về quỹ phát triển hợp tác xã và các vốn, tài sản khác được điều lệ hợp tác xã quy định là tài sản không chia...

(2) Thời gian qua, Nhà nước đã có nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau cho hợp tác xã nói chung, hợp tác xã nông nghiệp nói riêng. Tính riêng năm 2020, cả nước có 5.278 hợp tác xã đang hoạt động có kết quả sản xuất - kinh doanh nhận được sự hỗ trợ của nhà nước, trong đó, hợp tác xã nông nghiệp được hỗ trợ của nhà nước nhiều nhất (chiếm 59,8%); tiếp đến là hợp tác xã dịch vụ và hợp tác xã công nghiệp, xây dựng (lần lượt chiếm 26,6% và 13,6%)⁹.

(3) Nhận thức của người dân về vai trò các ưu thế của mô hình hợp tác xã nói chung, hợp tác xã nông nghiệp nói riêng trong sản xuất - kinh doanh ngày càng đầy đủ, đúng đắn. Từ đó, số người tham gia hợp tác xã nông nghiệp ngày càng nhiều. Số lượng hợp tác xã thành lập mới trong giai đoạn 2016 - 2020 bình quân mỗi năm là 2.229 hợp tác xã, trong đó chủ yếu là hợp tác xã nông nghiệp¹⁰.

(4) Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, ngày càng thuận lợi, hệ thống pháp luật về kinh doanh ngày càng được hoàn thiện. Bên cạnh sự ra đời của *Luật Hợp tác xã* năm 2012, các hệ thống pháp luật khác, như: *Luật Đầu tư*, *Luật Doanh nghiệp*, *Luật Đất đai*, *Luật Thương mại*, hệ thống pháp luật về thuế... thường xuyên được nhà nước điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Môi trường chính trị - xã hội ở các địa phương tương đối ổn định. Các địa phương tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, như: giao thông, điện, khu, cụm công nghiệp... Quy hoạch sử dụng đất được các địa phương được xây dựng chi tiết, cụ thể, nhờ đó các vùng sản xuất nông nghiệp được định hình phát triển.

(5) Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ và máy móc hỗ trợ sản xuất nông nghiệp đã thúc đẩy nông dân làm ăn tập thể. Để sản xuất hàng hóa lớn, đòi hỏi các hộ nông dân, doanh nghiệp phải hợp tác, liên kết sản xuất nông nghiệp tập thể, tập trung được ruộng đất trên quy mô lớn, từ đó tăng năng suất, sản lượng và thu nhập cho người nông dân.

Bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển hợp tác xã nông nghiệp còn một số hạn chế, như: đa số hợp tác xã này có quy mô nhỏ; hiệu quả sản xuất - kinh doanh chưa cao, lợi nhuận trước thuế hằng năm có xu hướng giảm, số hợp tác xã nông nghiệp làm ăn thua lỗ tăng dần lên từng năm; vốn hoạt động, doanh thu, lợi nhuận và thu nhập bình quân đầu người/tháng của người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp thấp hơn đáng

kể so với hợp tác xã công nghiệp, xây dựng và hợp tác xã dịch vụ.

Nguyên nhân của hạn chế:

Một là, quá trình thực hiện *Luật Hợp tác xã* năm 2012 đã xuất hiện một số bất cập, chưa phù hợp với tình hình thực tiễn, như: việc quy định số thành viên của hợp tác xã tối thiểu 7 thành viên là quá ít so với nhu cầu hiện nay; chưa quy định cụ thể mức vốn góp tối thiểu của thành viên hợp tác xã nên xuất hiện tình trạng việc góp vốn của một số thành viên chỉ mang tính hình thức để tranh thủ hưởng lợi các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước. Việc quy định góp vốn của thành viên không quá 20% vốn điều lệ cũng không phù hợp, bởi mỗi thành viên có khả năng tài chính khác nhau. *Luật Hợp tác xã* năm 2012 cũng không quy định hợp tác xã hoạt động như doanh nghiệp, nhưng cơ quan thuế vẫn thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hợp tác xã, còn cơ quan Bảo hiểm xã hội thì quy định người làm việc trong hợp tác xã phải đóng bảo hiểm xã hội theo mức lương tối thiểu vùng như doanh nghiệp...

Hai là, các cơ chế, chính sách của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp chưa thống nhất từ Chính phủ đến địa phương, mỗi địa phương áp dụng cơ chế, chính sách khác nhau với mức hỗ trợ khác nhau. Cho đến nay, việc hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp tập trung chủ yếu vào việc hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, còn các chính sách hỗ trợ khác có tỷ lệ rất thấp. Đặc biệt, việc tiếp cận các nguồn vốn vẫn là khó khăn lớn nhất hiện nay của các hợp tác xã nông nghiệp.

Ba là, thói quen làm ăn nhỏ lẻ theo hộ gia đình vẫn ăn sâu, bám rễ trong các hộ nông dân ở nước ta. Hơn nữa, sự nghi ngại về hiệu quả của mô hình hợp tác xã vẫn chưa được gỡ bỏ do những suy nghĩ tiêu cực về mô hình hợp tác xã nông nghiệp trước đây vẫn còn tồn tại. Trong khi đó, hiệu quả đem lại của kinh tế tập thể nói chung, hợp tác xã nông nghiệp nói riêng còn thấp, đặc biệt là thu nhập đem lại cho xã viên và người lao động chỉ nhỉnh hơn chút ít so với thu nhập của

những người làm kinh tế hộ, do đó, mô hình hợp tác xã nông nghiệp chưa đủ sức lôi cuốn các hộ nông dân tham gia.

Bốn là, trình độ quản lý của ban quản trị hợp tác xã nông nghiệp còn thấp; việc nắm và hiểu *Luật Hợp tác xã* và các luật khác có liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của hợp tác xã nông nghiệp còn hạn chế. Nguyên tắc công khai, minh bạch, dân chủ, công bằng chưa được thực hiện nghiêm túc, triệt để. Ở một số hợp tác xã nông nghiệp còn xảy ra tình trạng lợi dụng các kẽ hở của pháp luật, sự thiếu hiểu biết của xã viên, người lao động để trục lợi tài sản của hợp tác xã, dẫn đến một số hợp tác xã nông nghiệp làm ăn không hiệu quả, thua lỗ.

Ngoài ra, sự biến động mạnh, liên tục của thị trường; tình hình thiên tai, dịch bệnh diễn biến khó lường đã gây thiệt hại không nhỏ cho ngành nông nghiệp cũng là những nguyên nhân cản trở sự phát triển, gây giảm hiệu quả sản xuất - kinh doanh của hợp tác xã nông nghiệp trong những năm qua.

3. Một số kiến nghị nhằm phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam

Thứ nhất, tăng cường công tác tuyên truyền, làm cho người dân hiểu rõ, hiểu đúng về mô hình hợp tác xã kiểu mới hiện nay. Đồng thời, tuyên truyền giúp người nông dân thấy được những ưu thế của mô hình hợp tác xã kiểu mới trong hoạt động sản xuất - kinh doanh để họ tự nguyện tham gia vào mô hình này, thiết thực nhất là tuyên truyền bằng những hoạt động thực tiễn, như: hỗ trợ xây dựng một số hợp tác xã nông nghiệp làm mô hình điểm cho các địa phương học tập; tổ chức hội chợ, triển lãm kết nối giao thương hợp tác xã, doanh nghiệp...

Thứ hai, cần tiếp tục nghiên cứu, phát hiện những bất cập của *Luật Hợp tác xã* để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm giúp hợp tác xã nói chung, hợp tác xã nông nghiệp nói riêng phát triển cả về số lượng, quy mô và nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh.

Thứ ba, Nhà nước cần tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách hỗ trợ cho hợp tác xã nông nghiệp phát triển. Hợp tác xã kiểu mới ở nước ta còn non trẻ, thời gian hình thành chưa lâu, kinh nghiệm phát triển còn hạn chế, trong khi phải chịu tác động rất lớn từ cơ chế thị trường và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Vì vậy, sự hỗ trợ của Nhà nước cho hợp tác xã nói chung, hợp tác xã nông nghiệp nói riêng là vô cùng quan trọng, theo đó, cần chú trọng đổi mới chính sách về thuế và chính sách tín dụng là ưu tiên hàng đầu. Bên cạnh đó, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho người lao động, đội ngũ xã viên, nhất là đội ngũ cán bộ quản lý; đẩy mạnh thực hiện bảo hiểm nông nghiệp nhằm giảm bớt rủi ro cho nông dân, từ đó khuyến khích người dân tham gia hợp tác xã để sản xuất hàng hóa lớn. Ngoài ra, cần có cơ chế chính sách bảo đảm cung cấp ổn định các yếu tố đầu vào cho sản xuất nông nghiệp và đầu ra cho sản phẩm, bảo đảm tiêu thụ hiệu quả sản phẩm của các hợp tác xã nông nghiệp sản xuất, khắc phục tình trạng “được mùa - rớt giá” và các tác động tiêu cực từ sự biến động của thị trường nhằm giúp hợp tác xã nông nghiệp vượt qua được các khó khăn, sản xuất - kinh doanh hiệu quả, bền vững.

Thứ tư, Chính phủ và chính quyền các địa phương cần tăng cường đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ sản xuất nông nghiệp, như: hệ thống điện sản xuất, giao thông nội đồng, hệ thống tưới tiêu... Qua đó, thúc đẩy nông dân dồn điền, đổi thửa, tham gia hợp tác xã nông nghiệp, sản xuất - kinh doanh tập thể □

Chú thích:

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII)*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2023, tr. 129, 128.

3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10. Bộ Kế hoạch và Đầu tư. *Sách trắng Hợp tác xã năm 2022*. H. NXB Thống kê, 2022, tr. 32, 98, 102, 106, 94, 90, 30, 23.